

KINH NGHIỆM CỦA TRUNG QUỐC TRONG CÔNG TÁC NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH NÔNG THÔN

TS. Lê Thị Kim Cúc

Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

Tóm tắt: Xã hội hóa là giải pháp quan trọng hàng đầu để giải quyết vấn đề nước sạch và vệ sinh nông thôn nhằm huy động sự tham gia của các tổ chức kinh tế - xã hội các thành phần kinh tế và tầng lớp nhân dân, các tổ chức quần chúng dưới mọi hình thức, dưới mọi cấp độ. Mục tiêu của xã hội hóa là huy động mọi nguồn lực (tâm huyết, trí lực, vật lực) tham gia. Trong điều kiện thực tế về nhận thức, tập quán và tư duy mang nặng bao cấp của người dân như hiện nay thì để thực hiện được giải pháp quan trọng hàng đầu này còn gặp rất nhiều khó khăn. Bài báo này giới thiệu một số kinh nghiệm của Trung Quốc trong công tác để giải quyết vấn đề nước sạch và vệ sinh nông thôn, đánh giá những kinh nghiệm có thể áp dụng trong điều kiện thực tiễn của Việt Nam

1- Đặt vấn đề:

Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong giải quyết vấn đề nước sạch và vệ sinh nông thôn (NS – VSNT) là phải tăng cường xã hội hoá, đây là giải pháp quan trọng hàng đầu nhằm thực hiện các mục tiêu được đề ra trong chiến lược Quốc gia về cấp NS-VSNT đến năm 2020 cũng như trong Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2006-2010.

Khái niệm xã hội hóa có thể hiểu là sự tham gia của các tổ chức kinh tế - xã hội, các thành phần kinh tế và tầng lớp nhân dân, các tổ chức quần chúng dưới mọi hình thức, dưới mọi cấp độ dưới sự lãnh đạo của Đảng của Chính quyền để bảo vệ môi trường”. Mục tiêu của xã hội hóa là huy động mọi nguồn lực (trí lực, vật lực, tâm lực) tham gia.

2- Kinh nghiệm của Trung Quốc trong xã hội hóa công tác NS-VSNT:

Trung Quốc là một trong các Quốc gia có nhiều kết quả, kinh nghiệm thực hiện về xã hội hóa trong giải quyết vấn đề NS-VSNT có thể nghiên cứu áp dụng trong điều kiện Việt nam.

Nước sạch và vệ sinh môi trường ở Trung Quốc được bắt đầu từ những năm 80 của thế kỷ trước. Sau khóa họp lần thứ 35 của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) (phát động thập kỷ nước sạch). Từ đó đến nay, Trung Quốc đã liên tục tổ chức thực hiện các kế hoạch 05 năm. Trong đó kế

hoạch 05 năm 2000 - 2005 đã xác định vấn đề nước sạch và vệ sinh môi trường lồng ghép với phát triển kinh tế và là tiền đề cho việc xây dựng kế hoạch 05 năm tiếp theo (2006 - 2010). Chia khóa thành công của Trung Quốc chính là quá trình lập kế hoạch, xác định trách nhiệm tham gia của các cấp chính quyền, các ngành từ Trung ương đến địa phương. Theo kinh nghiệm của Trung Quốc, sau khi lập kế hoạch việc đảm bảo nguồn tài chính là rất quan trọng. Chiến lược huy động vốn từ 03 nguồn: Nguồn TW và địa phương, huy động quyền góp từ các tổ chức, giới kinh doanh và đóng góp của người hưởng lợi từ những chương trình này.

Năm 1980, trong quá trình thực hiện kế hoạch 05 năm, mỗi giai đoạn đều có tỷ lệ đầu tư về vốn khác nhau. Hiện nay, trong giai đoạn lồng ghép NS-VSMT với phát triển kinh tế thì số lượng vốn từ phía Nhà nước phải nhiều hơn. Ví dụ: Trong dự án vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB) cho NS-VSMT

Chiến lược huy động vốn ở Trung Quốc rất hiệu quả, trung bình mỗi năm huy động trên 10 tỷ nhân dân tệ cho các hoạt động NS-VSMT nông thôn với tỷ lệ có 50% vốn từ WB, 25% từ Chính phủ Trung Quốc, 25% còn lại là do đóng góp của hộ gia đình (những đối tượng được hưởng lợi).

Về lĩnh vực cấp nước: Trung Quốc chủ trương khuyến khích hình thức cấp nước bằng

đường ống và tùy theo từng điều kiện cụ thể mà lắp đặt các hệ thống đường ống cho phù hợp. Đến cuối năm 2004, tỷ lệ người dân được sử dụng nước máy là 60%. Hỗ trợ kỹ thuật của Chính phủ thông qua các thiết kế mẫu, hướng dẫn kỹ thuật theo từng loại hình thức cấp nước khác nhau, ban hành tiêu chuẩn nước ăn uống.

Quản lý chất lượng nước: Năm 1985 ban hành tiêu chuẩn nước ăn, uống áp dụng cho toàn Trung Quốc. Đến năm 1991, do nhiều vùng nông thôn ở Trung Quốc khó đạt được tiêu chuẩn quốc gia, do vậy Trung Quốc đã ban hành hướng dẫn giám sát chất lượng nước cho vùng nông thôn. Kinh nghiệm thực tế cho thấy, nếu chỉ ban hành các tiêu chuẩn hay hướng dẫn thì chưa đủ mà cần phải có các cơ quan quản lý, giám sát và các giải pháp phù hợp, xây dựng tổ chuyên trách và đề ra chế tài xử lý sẽ góp phần đảm bảo chất lượng nước.

Vệ sinh môi trường nông thôn: Tình trạng vệ sinh môi trường nông thôn ở Trung Quốc chưa được khả quan, còn nhiều lạc hậu so với các nước phát triển. Nguyên nhân của sự chậm tiến đó là do: Nếp sống văn hóa của từng địa phương, nhiều gia đình có nhà rất lớn, nhưng do tập quán nên nhiều nhà tiêu vẫn bố trí bên ngoài nhà ở và chưa hợp vệ sinh... Tuy vậy, Trung Quốc vẫn phấn đấu năm 2000 có 50% hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh (so với điều tra đánh giá năm 1993 con số này chỉ có 7,5%).

Chính phủ đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng cơ chế khuyến khích và hỗ trợ thay đổi hành vi vệ sinh cá nhân và VSMT. Các cấp lãnh đạo từ TW cho tới các cấp nhỏ nhất và người dân đều đã hiểu được tầm quan trọng của vấn đề NS -VSMT; Vụ giáo dục vệ sinh đã thực hiện rất tốt công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe, việc giáo dục, nâng cao kiến thức được chia làm các giai đoạn. Bên cạnh đó chính quyền địa phương cũng có những khoản đầu tư nhất định cho xây dựng và phát triển nhà tiêu hợp vệ sinh. Có cơ chế đầu tư xây dựng theo hướng Nhà nước và nhân dân cùng làm

Về hỗ trợ kỹ thuật: Trung Quốc đã xây dựng 02 tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn nhà tiêu hợp vệ sinh và tiêu chuẩn xử lý rác thải (lò đốt rác). Ban

hành thiết kế chuẩn cho nhà tiêu nông thôn gồm các loại sau: Biogas, tự hoại 3 bể, tự hoại 2 bể, nhà tiêu khô sinh thái, nhà tiêu tự hoại nối với hệ thống nước thải chung, nhà tiêu GIO. Các loại hình nhà tiêu này rất quan trọng đối với Trung Quốc do người dân có thói quen sử dụng phân người và gia súc làm phân bón cây trồng.

Điều phối và phối hợp liên ngành trong việc NS-VSNT: Lĩnh vực môi trường nông thôn và đặc biệt là nhà tiêu nông thôn không thể chỉ do một cơ quan, tổ chức thực hiện được. Trung Quốc đã lập Ủy ban phát triển y tế với mục tiêu đẩy truyền thông đi trước một bước, Ủy ban này có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và 02 tổ chức lớn nhất ở Trung Quốc là Thanh niên và Phụ nữ. Các địa phương cũng có mô hình tổ chức và hợp tác tương tự như TW, hợp tác theo cấp (Y tế - Nông nghiệp - Thanh niên - Phụ nữ).

Nước sạch và vệ sinh trong nhà trường: Trung Quốc không có một chương trình, hay dự án riêng về lĩnh vực này. Nhưng các can thiệp đầu tiên về lĩnh vực NS-VSMT là ở trường học. Các hoạt động trong trường học rất có lợi cho học sinh, vừa là đối tượng được truyền thông, vừa là truyền thông viên cho cộng đồng. Trường học là nơi tập trung đông người, nếu các điều kiện về vệ sinh không đảm bảo sẽ xảy ra dịch bệnh và lan truyền nhanh chóng do đó cần quan tâm và phối hợp nghiên cứu để đưa ra thiết kế NS-VSMT trong trường học.

Bài học kinh nghiệm về quản lý nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn cho thấy, chỉ có thể thành công khi có chiến lược và quy hoạch phù hợp với điều kiện và tập quán của nhân dân, công tác truyền thông thông qua các chiến dịch phải được duy trì thường xuyên và rộng rãi, kết hợp giữa các Bộ, các cấp chính quyền và các tổ chức xã hội đặc biệt là thanh niên, phụ nữ.

3- Những kinh nghiệm có thể vận dụng ở Việt Nam

❖ *Xây dựng kế hoạch:* Công tác lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch giai đoạn của Trung Quốc được coi là một trong những thành công trong quá trình thực hiện mục tiêu NSVSMT NT. Mỗi giai đoạn thực hiện đều có mục tiêu và

phương án khác nhau, về cách thức huy động vốn, định mức tài chính, phương pháp tiến hành, mô hình quản lý ... tùy theo điều kiện cụ thể. Kinh nghiệm của Trung Quốc đã chỉ rõ đi đôi với việc xây dựng kế hoạch phải đảm bảo nguồn tài chính nhằm thực hiện hoàn chỉnh các kế hoạch đã đề ra

❖ Phân cấp, xác định trách nhiệm rõ ràng tham gia của các cấp chính quyền, các ngành từ TW đến địa phương.

❖ Cần có cơ chế, chính sách linh hoạt nhằm tận dụng triệt để vốn hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, như: WB, ADB, NGOs... huy động các nguồn tài chính đa dạng cho công tác nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

❖ Ban hành các tiêu chuẩn về NS - VSMT cụ thể cho những vùng nông thôn khác nhau. Bên cạnh đó, Chính phủ có các cam kết về NS - VSMTNT với quốc tế.

❖ Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân đối với vấn đề nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên các phương tiện thông tin đại chúng. Vấn đề NS - VSMT được biên soạn thành một trong những nội dung của chương trình giảng dạy ở các cấp học phổ thông, công tác truyền thông qua các chiến dịch phải được duy trì thường xuyên và rộng rãi, có sự kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Lê Thị Kim Cúc (2008), Báo cáo tổng kết đề tài "Nghiên cứu cơ chế, chính sách nhằm xã hội hóa công tác quản lý vệ sinh môi trường nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng"

[2]. Kinh nghiệm của Trung Quốc trong quản lý và bảo vệ môi trường. Tác giả: Lê Minh Đức, 2001.

[3]. Cục Môi trường - Bộ Tài nguyên & MT (2002), Báo cáo tổng quan của dự án SICEIM về thực thi các chương trình phổ biến thông tin môi trường cho cộng đồng ở Việt Nam

Abstract

EXPERIENCES OF CHINA IN SOCIALIZATION FOR FRESH WATER AND RURAL SANITATION

Socialization is the leading important solution for fresh water and rural sanitation in order to mobilize participation from socio-economic organizations, economics sectors and farmers, public association in any form, at any level. It aims to mobilize participation from all resources (mental resource, material resource, human resource). In current context of farmers awareness and subsidized ideology, it is very difficult to implement such solution. This article illustrates Chinese experiences in socialization to solve fresh water and rural sanitation, assessment on experiences which are able to adapt in Vietnam's current condition.